TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 5 - 2023
V/v ly hôn giữa anh C và chị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trung Thành

Ông Lưu Xuân Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký tòa án nhân dân huyện N.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 242/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đoàn Văn C, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định;

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn Nam Trang, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 12 năm 2022, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Đoàn Văn C trình bày: Anh và chị Đỗ Thị T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 02/10/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, mất lòng tin dẫn đến thường cãi vã, trong lúc nóng giận anh có đánh chị T. Đến tháng 5/2020 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ và đi làm ăn ở nơi khác, từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đỗ Thị T.

Về nuôi con chung: Anh và chị T có 3 con chung là Đoàn Thị L, sinh ngày 21/7/2009; Đoàn Thị L1, sinh ngày 13/8/2010 và Đoàn Minh Đ, sinh ngày 11/10/2011. Từ khi chị T bỏ đi các con ở với anh, chị T không có quan tâm trách nhiệm gì. Đến tháng 11/2022 chị T về tự đón cháu L đi anh không biết. Nay cháu L đang ở với chị T, còn cháu L1 và cháu Đ ở với anh. Khi giải quyết ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả 03 con, hiện anh làm nghề xây dựng tự do và trồng lúa thu nhập hằng tháng từ 12 - 15 triệu đồng, có nhà ở ổn định đủ điều nuôi các con nên không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại đơn đề nghị ngày 08/01/2023, biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn chị Đỗ Thị T trình bày: Chị và anh Đoàn Văn C tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 02/10/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân do anh C nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người khác là không đúng vì chị không ngoại tình, chị đề nghị anh C cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh thì anh C không có, nhưng anh C thường xuyên đánh đập chị, anh chị em trong gia đình anh C có biết nên ngày 03/5/2020 âm lịch người nhà anh C dẫn đến nhà anh Trai chị là Đỗ Văn Định ở thôn Nam Trang, xã T để gửi, chứ không phải chị bỏ đi như lời trình bày của anh C. Cũng từ đó chị và anh C sống ly thân, anh C không nói gì đến chị, chị có nói chuyện với anh em nhà anh C xem xét giải quyết mâu thuẫn, để chị về sống cùng anh C nuôi các con chung nhưng không giải quyết được nên chị không giám về nhà sợ anh C đánh. Nay anh C làm đơn xin ly hôn, chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể quay về chung sống với anh C được nữa. Nhưng chị không nhất trí ly hôn vì giữa chị và anh C chưa thỏa thuận giải quyết xong về tài sản.

Về nuôi con chung: Chị và anh C có 3 con chung tên ngày tháng năm sinh của các con đúng như anh C trình bày. Từ khi gia đình anh C dẫn chị về nhà đẻ ở thì các con ở với anh C, chị có về thăm nhưng anh C không cho vào nhà nên chị phải đến trường học thăm các con. Đến ngày 06/11/2022 âm lịch do cháu L được nghỉ học, cháu tự đến chơi với chị, anh C biết nên đánh đuổi cháu đi, vì vậy cháu L đã đến nhà bác Định (anh trai chị) xin ở cùng chị chứ không phải chị tự ý đón cháu L, còn 02 cháu nhỏ ở với anh C. Khi giải quyết ly hôn chị không đồng ý giao cả 03 con cho anh C nuôi, chị có nguyện vọng được nuôi 02 cháu L và L1, còn giao anh C nuôi cháu Đ, hiện chị đang làm công nhân ở Công ty giầy da địa chỉ ở Trực Mỹ, huyện T, tỉnh Nam Định thu bình quân từ 07 - 08 triệu đồng 01 tháng, nên không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Trường hợp cháu L1 có nguyện vọng ở với anh C thì chị cũng tôn trọng nguyện vọng của con, giao anh C tiếp tục nuôi 02 con nhỏ, chị xin được nuôi cháu L (vì cháu L có nguyện vọng ở với chị), giữa chị và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị T trình bày về số tiền, vàng chị mang về sử dụng chung khi kết hôn với anh C và số tài sản trong quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được, chị đã kê khai đưa cho anh C để vợ chồng tự thỏa thuận nhưng anh C không thừa

nhận, chị không cung cấp được tài liệu chứng để chứng minh, nếu có đưa ra Tòa án cũng không giải quyết được nên chị không nhất trí ly hôn với anh C và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản trong vụ án.

Tại phiên tòa:

Anh C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; Về nuôi con chung: Cháu L có nguyện vọng ở với mẹ nên anh đồng ý giao cháu L cho chị T nuôi, anh tiếp tục nuôi 02 cháu L1 và Đ, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Chị T trình bày: Chị xác định không còn tình cảm với anh C, nhưng giữa chị và anh C chưa thỏa thuận được về việc phân chia tài sản nên chị không nhất trí ly hôn anh C; Về con chung: Chị nhất trí với ý kiến của anh C trình bày tại phiên tòa; Về tài sản: Chị giữ nguyên lời trình bày trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản trong cùng vụ án.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Anh C và chị T đã thực hiện đúng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữa anh Đoàn Văn C và chị Đỗ Thị T.

- Về con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao cho anh C tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu Đoàn Thị L1, sinh ngày 13/8/2010 và cháu Đoàn Minh Đ, sinh ngày 11/10/2011. Chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Đoàn Thị L, sinh ngày 21/7/2009. Chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự, anh C và chị T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí DSST: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án: Anh Đoàn Văn C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Văn C và chị Đỗ Thị T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 02 tháng 10 năm 2008, do vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, mất lòng tin trong quan hệ tình cảm, dẫn đến đánh chửi nhau, từ tháng 5/2020 chị T về nhà đẻ ở, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống đoàn tụ với chị T được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn. Chị T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn đoàn tụ, nhưng chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh C với lý do giữa chị và anh C chưa thỏa thuận được về tài sản.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa anh C và chị T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn chị Đỗ Thị T của anh Đoàn Văn C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Anh C và chị T có 03 con chung là Đoàn Thị L, sinh ngày 21/7/2009; Đoàn Thị L1, sinh ngày 13/8/2010 và Đoàn Minh Đ, sinh ngày 11/10/2011. Hiện cháu L đang ở với chị T; cháu L1 và cháu Đ đang ở với anh C.

Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn C thực tế, nguyện vọng đương sự và các con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất giao anh C tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Đoàn Thị L1 và Đoàn Minh Đ và giao chị T tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Đoàn Thị L, phù hợp với nguyện vọng của các con (cháu L xin ở với mẹ; cháu L1 và cháu Đ xin ở với bố). Các đương sự không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Ý kiến thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung không trái đạo đức xã hội và phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh C và chị T đều có ý kiến để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Tòa án không đặt ra xem xét.

Trong trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì việc phân chia tài sản của chị T và anh C sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ, việc dân sự khác nếu các đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Anh Đoàn Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Đoàn Văn C và chị Đỗ Thị T

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao cho anh Đoàn Văn C tiếp tục, trực tiếp nuôi con chung là Đoàn Thị L1, sinh ngày 13/8/2010 và Đoàn Minh Đ, sinh ngày 11/10/2011. Giao cho chị Đỗ Thị T tiếp tục, trực tiếp nuôi con chung là Đoàn Thị L, sinh ngày 21/7/2009. Chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự anh C và chị T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đoàn Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh C đã nộp theo biên lai số 0004843, ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Ánh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu HS.